

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
DU LỊCH ĐÀ LẠT**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 5
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	6 – 7
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	8 – 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 – 28

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du Lịch Đà Lạt (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Đà Lạt được thành lập theo Quyết định số 4232/QĐ-UB ngày 09 tháng 12 năm 2004 do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng phê duyệt về việc chuyển Doanh nghiệp Nhà Nước Công ty Dịch Vụ Du Lịch Đà Lạt thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4203000055 ngày 20 tháng 07 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp.

- Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập là 11.000.000.000 VND (Mười một tỉ đồng)

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có những lần điều chỉnh Giấy phép như sau:

- + Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 20 tháng 03 năm 2007, chuẩn y việc thay đổi người Đại diện pháp luật của Công ty và tăng vốn điều lệ như sau:
 - Người đại diện pháp luật Ông Nguyễn Thanh Tâm thay Ông Nguyễn Ngọc Chương
 - Tăng vốn điều lệ từ 11.000.000.000 VND lên 54.500.000.000 VND
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 05 năm 2007, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 54.500.000.000 VND lên 104.500.000.000 VND.
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 14 tháng 05 năm 2008, chuẩn y việc thay đổi tên viết tắt của Công ty là DALAT TSC.
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Đăng lý thuế công ty cổ phần thay đổi lần thứ 5 và đổi thành số 5800194459 ngày 30 tháng 09 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh Xây dựng kinh doanh lĩnh vực thủy điện.
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 06 năm 2011, chuẩn y hệ thống lại ngành, nghề kinh doanh và các thông tin về địa điểm kinh doanh, chi nhánh của Công ty.

- Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại : (063) 3 822 017 – 3 833 611 – 3 826 027

Fax : (063) 3 833 956

Mã số thuế : 5 8 0 0 1 9 4 4 5 9

- Thông tin về chi nhánh

STT Tên

Địa chỉ

1 Chi nhánh Công ty CP Dịch Vụ Du Lịch
Đà Lạt - Trung tâm lễ hành

Số 74, Trần Hưng Đạo, Phường Phạm Ngũ
Lão, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

• Thông tin về địa điểm kinh doanh

<u>STT</u>	<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
1	Best Western Dalat Plaza Hotel	Số 9 Lê Đại Hành, Phường 3, Tp Đà Lạt
2	Cửa hàng Việt Hưng	Số 7 Nguyễn Chí Thanh, Phường 1, Tp Đà Lạt
3	Thương xá La Tulipe	Số 1 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Tp Đà Lạt
4	Khách sạn Thanh Bình	Số 37-40, Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Tp Đà Lạt
5	Số 2 Trần Hưng Đạo	Số 2 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Tp Đà Lạt
6	Khu du lịch Thác Cầm Ly	Số 90 Hoàng Văn Thụ, Phường 5, Tp Đà Lạt
7	Khách sạn Thanh Thế	Số 90-118, Phan Đình Phùng, Phường 2, Tp Đà Lạt
8	Số 14 Hoàng Văn Thụ	Số 14 Hoàng Văn Thụ, Phường 4, Tp Đà Lạt
9	Khách sạn Anh Đào	Số 50-52 Khu Hòa Bình, Phường 1, Tp Đà Lạt
10	Nhà nghỉ Phú Hòa	Số 16 Tăng Bạt Hổ, Phường 1, Tp Đà Lạt
11	Nhà nghỉ Hòa Bình	Số 64 Trương Công Định, Phường 1, Tp Đà Lạt
12	Khu du lịch thác Prenn	Chân đèo Prenn QL20, Phường 3, Tp Đà Lạt
13	Khu du lịch thác Bobla	Thôn 3, xã Liên Đàm, huyện Di Linh
14	Số 71 đường 3/2	Số 71 đường 3 tháng 2, Phường 1, Tp Đà Lạt
15	Khách sạn Thủy Tiên	Số 7 đường 3 tháng 2, Phường 1, Tp Đà Lạt
16	Nhà nghỉ Mimosa	Số 170 Phan Đình Phùng, Phường 2, Tp Đà Lạt
17	Khu du lịch Thác Lilieng	Thôn Hàng Hải, xã Gung Ré, Huyện Di Linh
18	Nhà nghỉ Lâm Sơn	Số 5 Hải Thượng, Phường 5, Tp Đà Lạt
19	Khách sạn Cẩm Đô	Số 81 Phan Đình Phùng, Phường 2, Tp Đà Lạt

• Hoạt động chính của Công ty

- + Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- + Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan kinh doanh gas, xăng dầu;
- + Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- + Vận tải hành khách đường bộ khác: kinh doanh vận tải khách bằng taxi, xe buýt, vận tải khách theo hợp đồng, vận tải khách theo tuyến cố định;
- + Phà đò;
- + Chuẩn bị mặt bằng;
- + Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- + Điều hành tua du lịch;
- + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- + Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- + Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- + Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...);
- + Dịch vụ ăn uống khác;

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- + Đại lý du lịch;
- + Xây dựng nhà các loại;
- + Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, công trình điện hạ thế;
- + Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- + Mua bán hàng hóa. Mua bán thuốc lá nội, rượu các loại. Đại lý tiêu thụ xe gắn máy. Kinh doanh dịch vụ quảng cáo. Kinh doanh massage, karaoke, đồ uống, rượu, bia. Thiết kế trang trí nội, ngoại thất. Kinh doanh vật liệu xây dựng. Dịch vụ xuất khẩu lao động và du học tự túc. Dịch vụ bán vé máy bay. Dịch vụ chụp ảnh, phòng ảnh màu, mua bán thiết bị chụp ảnh, ngành ảnh. Chế biến nông sản, thực phẩm. Xây dựng kinh doanh lĩnh vực thủy điện.

Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thanh Tâm	Chủ tịch
Bà Trần Thị Thanh Hoa	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Chương	Ủy viên
Ông Trần Tam Phúc	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Phẩm	Ủy Viên

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày bãi nhiệm</u>
Ông Nguyễn Ngọc Chương	Giám đốc	06/07/2005	01/03/2011
Ông Nguyễn Văn Phẩm	Giám đốc	01/03/2011	11/06/2011
Bà Trần Thị Thanh Hoa	Phó Giám đốc – Quyền Giám đốc điều hành	11/06/2011	01/09/2011
Ông Tạ Hoàng Giang	Phó Giám đốc điều hành	01/09/2011	
Ông Vũ Văn Minh	Phó Giám đốc	25/10/2008	
Ông Nguyễn Vĩnh Bảo	Kế toán trưởng	25/10/2008	

Kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 08 đến trang 28).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 09 năm 2011 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ này, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, xác nhận rằng Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thủy mặt và đại diện Ban Giám đốc



TẠ HOÀNG GIANG – Phó Giám đốc điều hành

Thành Phố Đà Lạt, ngày 28 tháng 11 năm 2011

Số: 0405/2011/BCTC-KTV

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Đà Lạt gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 15 tháng 11 năm 2011, từ trang 08 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Hạn chế của cuộc kiểm toán

Công việc kiểm toán nhằm đưa ra ý kiến về tình hình tài chính theo các thủ tục kiểm toán Báo cáo tài chính thông thường không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành, việc này chỉ thực hiện được khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù áp dụng riêng cho việc quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành. Vì vậy chúng tôi không đưa ra ý kiến về giá trị khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh và kết chuyển tạm tăng nguyên giá tài sản cố định trong năm có giá trị 40.806.845.686 VND, đã trích khấu hao với giá trị là 971.591.556 VND (Xem thuyết minh số VI.10).

Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những hạn chế nêu trên (nếu có) đến một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính, các chỉ tiêu còn lại trên Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Đà Lạt tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN (tiếp theo)

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, Chúng tôi chỉ lưu ý với người đọc Báo cáo này rằng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4203000055 khoản vốn điều lệ đã đăng ký là 104.500.000.000 VND. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, do còn một số vướng mắc với cổ đông Nhà nước, Công ty chỉ mới thực hiện góp 59.132.500.000VND. Số vốn còn lại chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông qua hồ sơ phát hành. Tùy thuộc sự nhìn nhận của các bên liên quan về vấn đề này một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2011



VÕ THỊ THU HƯƠNG – Phó Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0455/KTV

NGUYỄN THỊ THƠM - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0787/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Luv Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

24 Trần Phú, phường 3, Tp Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15.467.872.418	18.176.223.978
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	9.221.474.613	7.347.107.142
1. Tiền	111		1.371.474.613	3.326.773.809
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.850.000.000	4.020.333.333
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	6.000.000.000
Dầu tư ngắn hạn	121	VI.2	-	6.000.000.000
III. Các khoản phải thu	130		5.182.682.679	3.922.516.186
1. Phải thu khách hàng	131	VI.3	3.559.150.641	2.875.932.421
2. Trả trước cho người bán	132	VI.4	636.822.160	265.820.145
3. Các khoản phải thu khác	135	VI.5	1.053.112.878	803.863.620
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(66.403.000)	(23.100.000)
IV. Hàng tồn kho	140		533.065.045	313.288.156
Hàng tồn kho	141	VI.6	533.065.045	313.288.156
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		530.650.081	593.312.494
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.7	370.813.293	292.160.599
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	82.826.295
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154	VI.8	1.031.040	113.724.166
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.9	158.805.748	104.601.434
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		102.609.981.681	94.603.756.035
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		96.004.302.872	92.807.295.677
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.10	64.287.107.624	22.020.059.774
- Nguyên giá	222		86.470.302.070	39.885.303.070
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.183.194.446)	(17.865.243.296)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.11	5.397.722.295	5.250.115.000
- Nguyên giá	228		5.404.140.000	5.250.115.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.417.705)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.12	26.319.472.953	65.537.120.903
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.13	547.015.988	673.507.994
1. Đầu tư vào Công ty liên danh, liên kết	252		800.000.000	800.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(252.984.012)	(126.492.006)
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.058.662.821	1.122.952.364
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.14	5.777.800.821	842.090.364
2. Tài sản dài hạn khác	268	VI.15	280.862.000	280.862.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		118.077.854.099	112.779.980.013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

24 Trần Phú, phường 3, Tp Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		46.281.869.143	42.619.524.919
I. Nợ ngắn hạn	310		15.486.555.558	17.932.602.811
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		2.664.487.254	-
2. Phải trả cho người bán	312	VI.16	2.489.095.007	6.883.076.899
3. Người mua trả tiền trước	313		217.195.045	525.500
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	VI.17	1.468.232.142	1.384.441.277
5. Phải trả công nhân viên	315	VI.18	1.457.576.359	1.401.427.371
6. Chi phí phải trả	316	VI.19	515.348.485	250.767.296
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	VI.20	6.417.619.112	7.606.082.838
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		6.193.710	6.193.710
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	VI.21	250.808.444	400.087.920
II. Nợ dài hạn	330		30.795.313.585	24.686.922.108
1. Phải trả dài hạn khác	333	VI.22	5.168.370.135	5.140.817.199
2. Vay và nợ dài hạn	334	VI.23	25.408.468.444	19.452.160.139
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	81.310.980
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		218.475.006	12.633.790
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		71.795.984.956	70.160.455.094
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.24	71.795.984.956	70.160.455.094
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		59.132.500.000	59.132.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.785.000.000	4.785.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.377.499.000	2.151.308.699
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		688.282.307	636.084.545
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.812.703.649	3.455.561.850
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		118.077.854.099	112.779.980.013

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHI TIẾT	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý		326.307.422	307.734.483
Ngoại tệ các loại		28.024,95	25.011,50
USD		28.024,95	25.011,50

Đà Lạt, ngày 15 tháng 11 năm 2011



LÊ HOÀNG GIANG

Phó Giám đốc điều hành

Phạm

NGUYỄN VINH BẢO

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

24 Trần Phú, phường 3, Tp Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

(Có so sánh với số liệu năm trước)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		63.347.516.464	51.254.500.123
2. Các khoản giảm trừ	03		156.678.461	164.586.564
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.1	63.190.838.003	51.089.913.559
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	52.189.410.554	41.060.425.111
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.001.427.449	10.029.488.448
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	941.234.754	1.819.440.014
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	4.500.020.214	148.289.283
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		3.783.163.041	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.5	6.701.360.829	7.126.233.815
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		741.281.160	4.574.405.364
11. Thu nhập khác	31	VII.6	1.763.633.743	473.466.555
12. Chi phí khác	32	VII.7	117.356.882	113.721.119
13. Lợi nhuận khác	40		1.646.276.861	359.745.436
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.387.558.021	4.934.150.800
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.8	647.632.635	1.693.229.453
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.739.925.386	3.240.921.347
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.9	294,24	548,08

Đà Lạt, ngày 15 tháng 11 năm 2011



LÀ HOÀNG GIANG

Phó Giám đốc điều hành

NGUYỄN VINH BẢO

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

24 Trần Phú, phường 3, Tp Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		2.387.558.021	4.934.150.800
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			6.132.609.810	1.448.305.882
- Khấu hao tài sản cố định	02		4.432.759.260	2.866.662.273
- Các khoản dự phòng	03		169.795.006	149.592.006
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		47.065.709	888.920
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.300.173.206)	(1.568.837.317)
- Chi phí lãi vay	06		3.783.163.041	-
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		8.520.167.831	6.382.456.682
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.162.081.659)	(1.655.470.847)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(219.776.889)	376.521.454
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(2.862.412.724)	2.348.563.669
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.014.363.151)	232.834.368
- Tiền lãi vay đã trả	13		(3.709.863.200)	(1.267.716.822)
- Thuế thu nhập đã nộp	14		(1.049.229.584)	(518.775.513)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		41.673.064	5.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(322.901.000)	(302.442.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(5.778.787.312)	5.600.970.491
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.709.866.138)	(45.691.977.332)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	454.545
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	14.361.960.256
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.000.000.000	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(800.000.000)
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		789.291.071	1.670.389.584
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(920.575.067)	(30.459.172.947)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		8.797.152.108	19.452.160.139
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(216.099.930)	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(3.651.499.100)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		8.581.052.178	15.800.661.039
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50		1.881.689.799	(9.057.541.417)
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60		7.347.107.142	16.405.537.479
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		(7.322.328)	(888.920)
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	VL1	9.221.474.613	7.347.107.142

Hàng Phố Đà Lạt, ngày 15 tháng 11 năm 2011



LÀ HOÀNG GIANG
Phó Giám đốc điều hành

NGUYỄN VINH BẢO
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Du Lịch Đà Lạt (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, du lịch, xây dựng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

1. Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu ngày 01 tháng 10 năm 2010 và kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 là năm tài chính thứ bảy của Công ty và là năm thứ ba Công ty đổi niên độ kế toán.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi lập Báo cáo: Ngày 30/09/2010 là	:	18.932 VND/USD
Ngày 30/09/2011 là	:	20.628 VND/USD

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Nhật ký chung.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn dưới 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp hạch toán: Kế khai thường xuyên

Phương pháp đánh giá: Bình quân gia quyền

4. Nguyên tắc dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được lập dự phòng giảm giá theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết để tiêu thụ chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo Hòa đơn chứng từ.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định như sau:

<u>Nhóm TSCĐ</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 35
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 08
Cây lâu năm	6 - 40
Phần mềm tin học	10
Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao	

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

8. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn là công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng có thời gian sử dụng dưới 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn gồm các khoản công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng và chi phí sửa chữa phân bổ tối đa không quá 8 năm

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo điều lệ sửa lần thứ 5 của Công ty tại Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 3 năm 2011:

- | | |
|------------------------------------|---|
| • Quỹ đầu tư phát triển | 10% |
| • Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ | 3% |
| • Quỹ dự phòng tài chính | 3% đến khi bằng 10% vốn điều lệ thì không trích nữa |
| • Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 6% |

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty được miễn thuế TNDN 2 năm và giảm 50% cho 2 năm tiếp theo kể từ khi doanh nghiệp có lãi.

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 là năm thứ năm Công ty kinh doanh có lãi và là năm đầu tiên Công ty hết thời gian được ưu đãi thuế.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên cơ sở dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng, đã phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, không phân biệt đã thu hay chưa thu được tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với Doanh thu trong kỳ.

14. Các bên liên quan

Các Bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các bên có liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh VIII.2

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
(a) <i>Tiền mặt</i>	<i>323.014.768</i>	<i>235.791.637</i>
(b) <i>Tiền gửi Ngân hàng</i>	<i>1.048.459.845</i>	<i>3.090.982.172</i>
- Ngân hàng NN & PT Nông thôn – VND	405.484.945	2.491.529.769
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Lâm Đồng – VND	93.695.391	119.002.332
- Ngân hàng Sài Gòn thương tín Đà Lạt – VND	174.699.519	319.794.327
- Ngân hàng Sài Gòn thương tín Tp.Hồ Chí Minh - VND	138.995.247	18.033.414
- Ngân hàng Eximbank Đà Lạt – VND	8.329.412	1.586.842
- Ngân hàng Ngoại Thương – CN Đà Lạt – VND	73.004.870	90.887.894
- Ngân hàng TM CP Sài Gòn Hà Nội	154.250.461	50.147.594
(c) <i>Các khoản tương đương tiền</i>	<i>7.850.000.000</i>	<i>4.020.333.333</i>
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	7.850.000.000	4.020.333.333
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	<u>9.221.474.613</u>	<u>7.347.107.142</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng.

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	-	1.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – CN Lâm Đồng	-	5.000.000.000
Cộng	-	<u>6.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

3. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trường Kỹ thuật Đà Lạt	703.415.880	574.786.435
- Trường THPT Thăng Long	206.567.606	206.567.606
- KH của TT lữ hành Dalattoserco	195.316.270	607.065.200
- Nhà hàng Hoàng Lan (Nông Văn Cường)	50.592.375	30.727.658
- Nguyễn Thị Ngọc Lan	-	25.300.000
- Nguyễn Thị Xuân Sắc	547.657.532	555.491.849
- Lê Văn Bảo	95.336.362	133.222.771
- Nguyễn Vũ Quỳnh Như	77.000.000	77.000.000
- Đoàn Văn Nghiêm	209.709.666	81.716.702
- Nguyễn Thị Huệ	173.641.954	-
- Khách hàng khác	1.299.912.996	584.054.200
Cộng	<u>3.559.150.641</u>	<u>2.875.932.421</u>

4. Trả trước cho người bán

- Đặt cọc tour	401.498.960	162.355.000
- Khách hàng khác	235.323.200	103.465.145
Cộng	<u>636.822.160</u>	<u>265.820.145</u>

5. Phải thu khác

- Văn phòng Công ty	591.957.602	458.585.429
+ Công ty CP Sóng Đà	52.112.729	37.112.729
+ Công ty Tư vấn quản lý IMCC TP HCM VP	40.000.000	40.000.000
+ Công ty mua bán nợ - Prenn	40.553.000	40.553.000
+ Khách sạn Đà Lạt - Plaza	58.989.345	-
+ Cam Ly-Hợp đồng lập dự án (TVXDLD) VP	20.000.000	20.000.000
+ Cty Anh Minh-HDTVBCKT thiết kế LaT VP	23.496.000	23.496.000
+ Prenn-Chi phí BDBGPMB VP	25.500.000	25.500.000
+ KDL Cam Ly- Lập PADBGPMB VP	40.000.000	40.000.000
+ Các khoản khác	291.306.528	231.923.700
- Trung Tâm Lữ hành Dalattoserco	239.705.493	53.744.909
- Bảo hiểm xã hội	177.291.449	109.995.963
- Phải thu khác	44.158.334	181.537.319
Cộng	<u>1.053.112.878</u>	<u>803.863.620</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	424.735.847	68.293.462
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	244.994.694
- Hàng hóa	108.329.198	-
Cộng	<u>533.065.045</u>	<u>313.288.156</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Công cụ dụng cụ	91.613.005	343.283.161	304.069.508	130.826.658
- Chi phí sửa chữa thường xuyên	27.051.250	105.902.920	79.926.009	53.028.161
- Chi phí thuê nhà	43.923.000	131.570.000	175.493.000	-
- Chi phí khác	129.573.344	731.048.203	673.663.073	186.958.474
Cộng	<u>292.160.599</u>	<u>1.311.804.284</u>	<u>1.233.151.590</u>	<u>370.813.293</u>

8. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

- Thuế tài nguyên nộp thừa	1.031.040	1.031.040
- Thuế nhà đất nộp thừa	-	112.693.126
Cộng	<u>1.031.040</u>	<u>113.724.166</u>

9. Tài sản ngắn hạn khác

<i>Tạm ứng</i>	<i>158.805.748</i>	<i>104.601.434</i>
- Đinh Thị Thanh Hiền	47.009.577	34.009.577
- Vũ Văn Dũng	2.002.970	6.961.970
- Lê Văn Bảo	12.773.638	16.877.638
- Nguyễn Thị Thanh Trang	-	20.000.000
- Lê Thị Bích Thủy	31.469.000	-
- Lê Quốc Bảo	28.211.100	-
- Nhân viên khác	37.339.463	26.752.249
Cộng	<u>158.805.748</u>	<u>104.601.434</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

10. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị Quản lý	Cây lâu năm	Tài sản cố định khác	Cộng
I. Nguyên giá							
1. Số đầu năm	34.064.454.108	4.819.224.230	427.563.973	322.694.966	201.365.793	50.000.000	39.885.303.070
2. Số tăng trong năm	43.069.827.313	2.852.159.774	22.800.000	661.366.093	157.605.000	30.300.000	46.794.058.180
- Mua trong năm	181.797.628	620.242.654	-	325.127.351	157.605.000	19.000.000	1.303.772.633
- Đầu tư XD CB hoàn thành (*)	42.888.029.685	2.231.917.120	22.800.000	336.238.742	-	11.300.000	45.490.285.547
3. Số giảm trong năm	101.268.862	95.983.318	-	11.807.000	-	-	209.059.180
- Thanh lý, nhượng bán	80.699.770	95.983.318	-	11.807.000	-	-	188.490.088
- Giảm khác	20.569.092	-	-	-	-	-	20.569.092
4. Số cuối năm	77.033.012.559	7.575.400.686	450.363.973	972.254.059	358.970.793	80.300.000	86.470.302.070
II. Giá trị hao mòn							
1. Số đầu năm	14.488.440.415	2.739.428.526	364.067.527	203.604.586	65.535.577	4.166.665	17.865.243.296
2. Số tăng trong năm	3.501.267.700	668.963.663	25.570.200	183.984.826	33.402.400	13.152.766	4.426.341.555
- Khấu hao trong năm (*)	3.501.267.700	668.963.663	25.570.200	183.984.826	33.402.400	13.152.766	4.426.341.555
3. Số giảm trong năm	31.799.036	64.784.369	-	11.807.000	-	-	108.390.405
- Thanh lý, nhượng bán	31.799.036	64.784.369	-	11.807.000	-	-	108.390.405
4. Số cuối năm	17.957.909.079	3.343.607.820	389.637.727	375.782.412	98.937.977	17.319.431	22.183.194.446
III. Giá trị còn lại							
1. Số đầu năm	19.576.013.693	2.079.795.704	63.496.446	119.090.380	135.830.216	45.833.335	21.974.226.439
2. Số cuối năm	59.075.103.480	4.231.792.866	60.726.246	596.471.647	260.032.816	62.980.569	64.287.107.624

(*) Giá trị công trình xây dựng cơ bản chưa được kiểm toán quyết toán vốn đầu tư hoàn thành đã đưa vào sử dụng là 40.806.845.686 VND, tương ứng với khấu hao trong năm là 971.591.556 VND

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng là 5.311.679.551 VND.

Tài sản cố định cầm cố thế chấp khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương là toàn bộ giá trị công trình xây lắp và thiết bị của Khách sạn Đà Lạt Plaza với nguyên giá là 44.167.718.393 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH DÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

11. Tài sản cố định vô hình

<i>Chi tiêu</i>	<i>Quyền sử dụng đất (*)</i>	<i>Phần mềm tin học</i>	<i>Cộng</i>
I. Nguyên giá			
1. Số đầu năm	5.250.115.000	-	5.250.115.000
2. Tăng trong năm		154.025.000	154.025.000
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	5.250.115.000	154.025.000	5.404.140.000
II. Hao mòn lũy kế			
1. Số đầu năm	-	-	-
2. Tăng trong năm	-	6.417.705	6.417.705
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	-	6.417.705	6.417.705
III. Giá trị còn lại			
1. Số đầu năm	5.250.115.000	-	5.250.115.000
4. Số cuối năm	5.250.115.000	147.607.295	5.397.722.295

(*) Quyền sử dụng đất không thời hạn

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công trình thác Cam Ly	1.077.355.968	1.518.519.941
- Công trình Khu du lịch thác Prenn	22.699.164.740	21.275.459.719
- Công trình Khách sạn Đà Lạt Plaza	-	40.140.743.316
- Quy hoạch dự án Khu du lịch thác Lilieng	200.273.273	200.273.273
- Quy hoạch dự án Khu du lịch thác Bobla	2.231.382.609	2.268.200.791
- Những công trình khác	111.296.363	133.923.863
Cộng	26.319.472.953	65.537.120.903

13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

- Đầu tư liên kết với Công ty TNHH Tắt	800.000.000	800.000.000
- Dự phòng đầu tư dài hạn	(252.984.012)	(126.492.006)
Cộng	547.015.988	673.507.994

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Số cuối năm
- Công cụ dụng cụ	299.677.595	6.156.673.966	1.625.258.295	4.831.093.266
- Chi phí sửa chữa lớn	525.746.644	423.439.372	416.407.467	532.778.549
- Chi phí khác	16.666.125	574.354.640	177.091.759	413.929.006
Cộng	842.090.364	7.154.467.978	2.218.757.521	5.777.800.821

15. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ký quỹ lữ hành quốc tế	250.000.000	250.000.000
- Đặt cọc thuê nhà 27 Nguyễn Thái Bình	15.862.000	15.862.000
- Đặt cọc nhận khoán khách sạn Thủy Tiên	15.000.000	15.000.000
Cộng	280.862.000	280.862.000

16. Phải trả cho người bán

- Công ty CP Hải Vân Nam	-	5.220.000.000
- Công ty TNHH Địa ốc Lộc An	178.761.130	-
- Công ty XD Công Nghệ Thủy Lợi - Bobla	103.647.400	103.647.400
- Công ty Trí Việt	141.720.000	-
- Nguyễn Quốc Hào	-	30.132.358
- Đinh Thị Thanh Hiền	25.359.000	16.584.600
- Công ty Việt Havico	-	311.252.050
- Công ty TNHH APC	-	184.713.870
- Công ty TNHH Hồ Thiệu Trị	356.250.000	-
- Nguyễn Thị Xuân Sắc	293.186.470	-
- Nguyễn Đức Nhật	-	65.758.884
- Dịch vụ lữ hành	22.358.325	269.584.773
- Hồ Văn Dũng	-	40.533.077
- Công ty TNHH P&M (HD 87)	315.322.840	-
- DNTN Thuận Anh(HD 150-151)	265.763.218	-
- Khách hàng khác	786.726.624	640.869.887
Cộng	2.489.095.007	6.883.076.899

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

STT	Chi tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số còn phải nộp cuối năm
I.	Thuế	1.270.717.111	3.329.588.163	3.133.104.172	1.467.201.102
1.	Thuế GTGT hàng bán nội địa văn phòng	-	1.565.676.473	1.190.574.507	375.101.966
2.	Thuế GTGT hàng nội địa TT lưu hành	13.665.417	275.330.226	266.534.545	22.461.098
3.	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	593.384	593.384	-
4.	Thuế tiêu thụ đặc biệt	11.926.573	156.678.461	158.042.097	10.562.937
5.	Thuế xuất, nhập khẩu	-	4.920.837	4.920.837	-
6.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.342.510.348	647.632.635	1.049.229.584	940.913.399
7.	Thuế tài nguyên (*)	(1.031.040)	-	-	(1.031.040)
8.	Thuế nhà đất, tiền thuê đất (*)	(112.693.126)	450.772.123	250.000.000	88.078.997
9.	Các loại thuế khác	16.338.939	227.984.024	213.209.218	31.113.745
	- Thuế thu nhập cá nhân	16.338.939	195.717.060	183.451.156	28.604.843
	- Thuế nhà thầu	-	15.266.964	12.758.062	2.508.902
	- Thuế khác	-	17.000.000	17.000.000	-
II.	Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
	Tổng cộng	1.270.717.111	3.329.588.163	3.133.104.172	1.467.201.102

(*) Thuế tài nguyên và thuế nhà đất nộp thừa được thể hiện trên chỉ tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (Xem thuyết minh số VI.8)

- Thuế giá trị gia tăng**

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ.
- Thuế suất áp dụng : 10%

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

- Thuế tiêu thụ đặc biệt**

Công ty nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh massage, karaoke với thuế suất 30%.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp**

(Xem thuyết minh số V.11)

- Thuế nhà đất, tiền thuê đất**

Công ty nộp tiền thuê đất với diện tích đang sử dụng nhằm mục đích làm văn phòng và dịch vụ du lịch theo thông báo nộp tiền thuê hàng năm của chi cục thuế Tp. Đà Lạt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế theo qui định hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm soát của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các Quyết định về thuế đối với nhiều loại hình dịch vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo Quyết định của cơ quan thuế.

18. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lương phải trả cuối năm tài chính	657.576.359	507.628.344
- Lương tháng 13	800.000.000	893.799.027
Cộng	1.457.576.359	1.401.427.371

19. Chi phí phải trả

- Văn phòng Công ty	297.499.787	194.442.556
- Khách sạn Cẩm Đô	28.000.000	13.763.636
- Khách sạn Đà Lạt Plaza	71.279.096	-
- Phải trả khác	118.569.602	42.561.104
Cộng	515.348.485	250.767.296

20. Phải trả phải nộp khác

- Kinh phí công đoàn	84.763.780	19.308.032
- Bảo hiểm xã hội	85.743.440	-
- Bảo hiểm y tế	19.294.696	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	8.691.926	-
- Phải trả về cổ phần hóa	41.850.745	41.850.745
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	865.800.422	349.452.560
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.311.474.103	7.195.471.501
+ Dự án thác Prenn	2.236.000.000	2.236.000.000
+ Đất cọc để mua cổ phiếu	1.538.664.688	2.125.548.388
+ TT Lữ Hành	362.795.048	254.638.437
+ Sở KH-CN Lâm Đồng	40.000.000	40.000.000
+ XN Xây Dựng	-	38.747.000
+ Hồ Xuân Hoàng	-	1.500.000.000
+ Khách sạn Ngọc Lan	623.610.000	623.610.000
+ Các khoản khác	510.404.367	376.927.676
Cộng	6.417.619.112	7.606.082.838

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	400.087.920	104.395.524	253.675.000	250.808.444
Cộng	400.087.920	104.395.524	253.675.000	250.808.444

	Số cuối năm	Số đầu năm
22. Phải trả dài hạn khác	5.168.370.135	5.140.817.199

Khoản nhận tiền ký quỹ mặt bằng của các hộ kinh doanh tại Thương xá Latulipe, Nhà hàng, Khách sạn và các khu du lịch khác.

23. Vay dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Nợ dài hạn đến hạn trả	Số cuối năm
Vay ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đà Lạt	19.452.160.139	8.836.895.489	216.099.930	2.664.487.254	25.408.468.444
	19.452.160.139	8.836.895.489	216.099.930	2.664.487.254	25.408.468.444

Hợp đồng vay số 0510/TDA /09CD- VND - KS Đà Lạt Plaza ngày 02 tháng 12 năm 2009 ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Lạt

Hạn mức vay 2.550.000 USD cho vay bằng VND hoặc USD

Thời hạn vay 108 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên

Lãi suất huy động tiền gửi VND 12 tháng do Hội sở chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam công bố (lãi suất tham chiếu) cộng với biên độ là 3,6%/năm (đối với khoản vay bằng VND), 2,7%/năm (đối với khoản vay bằng USD). Lãi suất thay đổi 3 tháng 1 lần vào ngày bắt đầu của mỗi kỳ hạn tính lãi (thay đổi lãi suất tham chiếu)

Mục đích vay Dự án đầu tư xây dựng và khai thác Khách sạn Best Western Đà Lạt Plaza trên diện tích khu đất số 09, đường Lê Đại Hành, phường 3, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng do Công ty CP Dịch vụ Du lịch Đà Lạt

Tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0510/TDA/09 TC ngày 02 tháng 10 năm 2009.

24. Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	54.500.000.000	4.785.000.000	2.848.088.441	463.586.782	8.319.354.050	70.916.029.273
Tăng vốn trong năm trước	4.632.500.000	-	-	-	-	4.632.500.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	3.240.921.347	3.240.921.347
Trích lập các quỹ	-	-	-	172.497.763	(8.104.713.547)	(7.932.215.784)
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Chi cổ tức	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Giảm khác	-	-	(696.779.742)	-	-	(696.779.742)
Số dư cuối năm trước - Số dư đầu năm nay	59.132.500.000	4.785.000.000	2.151.308.699	636.084.545	3.455.561.850	70.160.455.094
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	1.739.925.386	1.739.925.386
Trích lập các quỹ	-	-	226.190.301	52.197.762	(382.783.587)	(104.395.524)
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Chi cổ tức	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	59.132.500.000	4.785.000.000	2.377.499.000	688.282.307	4.812.703.649	71.795.984.956

Cổ tức

Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 24 tháng 03 năm 2011 thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2010 bằng cổ phiếu, nhưng tới thời điểm phát hành báo cáo này nghị quyết này chưa được thực hiện do chưa giải quyết xong các vấn đề liên quan được nêu trong công văn số 1025/UBCK_QLPH ngày 14/4/2011 của ủy ban chứng khoán.

Công ty chưa công bố việc chia cổ tức năm 2011.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2007 đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 54.500.000.000 VND lên 104.500.000.000 VND. Đại hội thường niên năm 2009 thông qua phương án chia cổ tức năm 2007, 2008 bằng cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 54.400.000.000 VND lên 59.132.500.999 VND (Ủy ban chứng khoán chấp thuận bằng công văn số 2655/UBCK_QLPH).

Theo qui định của luật chứng khoán các Công ty đại chúng, niêm yết... khi phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ phải thông qua Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty đã có phương án phát hành cổ phiếu để bổ sung đủ số vốn 104.500.000.000 VND và làm đầy đủ các thủ tục qui định gửi Ủy ban Chứng khoán. Tuy nhiên, việc phát hành cổ phiếu tăng vốn này của Công ty chưa thực hiện được do chưa được chấp thuận của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Năm nay		Năm trước	
	Số cổ phần	Giá trị	Số cổ phần	Giá trị
- Vốn góp của Nhà nước	608.685	6.086.850.000	608.685	6.086.850.000
- Ông Nguyễn Thanh Tâm	828.398	8.283.980.000	828.398	8.283.980.000
- Ông Nguyễn Ngọc Chương	136.271	1.362.710.000	136.271	1.362.710.000
- Bà Trần Thị Thanh Hoa	121.160	1.211.600.000	121.160	1.211.600.000
- Ông Nguyễn Đức Mạnh	24.413	244.130.000	24.413	244.130.000
- Ông Vũ Văn Minh	84.646	846.460.000	84.646	846.460.000
- Ông Trần Huy Bảy	10.145	101.450.000	10.145	101.450.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	4.099.532	40.995.320.000	4.099.532	40.995.320.000
Cộng	5.913.250	59.132.500.000	5.913.250	59.132.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.450.000	10.450.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.913.250	5.913.250
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.913.250	5.913.250
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.913.250	5.913.250
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.913.250	5.913.250

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	2.377.499.000	2.151.308.699
- Quỹ dự phòng tài chính	688.282.307	636.084.545
Cộng	3.065.781.307	2.787.393.244

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	63.347.516.464	51.254.500.123
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	2.924.329.719	2.549.764.089
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	60.309.266.273	48.203.839.549
- <i>Doanh thu hoạt động xây dựng</i>	113.920.472	500.896.485
Các khoản giảm trừ	156.678.461	164.586.564
- <i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	156.678.461	164.586.564
Doanh thu thuần	63.190.838.003	51.089.913.559

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn bán hàng hóa	1.874.501.485	1.626.591.527
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	50.038.262.478	38.962.374.890
- Giá vốn hoạt động xây dựng	276.646.591	471.458.694
Cộng	52.189.410.554	41.060.425.111

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi	789.291.071	1.670.389.584
- Lãi thu do nộp chậm tiền thuê mặt bằng	148.718.900	145.717.062
- Doanh thu khác	3.224.783	3.333.368
Cộng	941.234.754	1.819.440.014

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	3.783.163.041	-
- Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	180.880	11.888.136
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	47.065.709	8.734.048
- Chi phí dự phòng	126.492.006	126.492.006
- Chi phí lãi cọc cổ phiếu	542.599.000	1.175.093
- Chi phí lãi trả chậm	519.578	-
Cộng	4.500.020.214	148.289.283

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên	3.823.177.441	3.859.074.687
- Chi phí đồ dùng	122.479.180	187.780.366
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.292.272	57.818.723
- Thuế, phí, lệ phí	58.949.649	61.727.573
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	220.488.073	227.943.611
- Chi phí bằng tiền khác	2.435.974.214	2.731.888.855
Cộng	6.701.360.829	7.126.233.815

6. Thu nhập khác

- Thu từ nhượng bán tài sản và thanh lý CCDC	1.594.118.182	1.818.180
- Thu phạt từ các đơn vị nhận khoán	62.653.740	458.357.852
- Thu khác	106.861.821	13.290.523
Cộng	1.763.633.743	473.466.555

7. Chi phí khác

- Chi phí từ nhượng bán tài sản và thanh lý CCDC	97.255.774	22.901.905
- Chi phí khác	20.101.108	90.819.214
Cộng	117.356.882	113.721.119

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận trước thuế	2,387.558.021	4.934.150.800
- Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	202.972.519	128.466.191
+ <i>Chi phí kế toán</i>	202.972.519	128.466.191
- Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
+ <i>Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ</i>	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	2.590.530.540	5.062.616.991
- Thuế suất	25%	25%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	647.632.635	1.265.654.248
- Chi phí thuế TNDN được giảm	-	60.170.614
+ <i>Giảm 30% theo TT13</i>	-	60.170.614
- Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung năm 2009	-	487.745.819
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành dự tính phải nộp	647.632.635	1.693.229.453

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.739.925.386	3.240.921.347
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.913.250	5.913.250
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	294,24	548,08

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt.

2. Nghiệp vụ các bên có liên quan

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên có liên quan như sau:

- Lương và các khoản theo lương trong năm

Họ và tên	Chức vụ	Số tiền
- Nguyễn Thanh Tâm	Chủ tịch	288.700.000
- Nguyễn Ngọc Chương	Ủy viên	151.728.830
- Trần Thị Thanh Hoa	Phó chủ tịch	319.321.156
- Nguyễn Văn Phẩm	Ủy viên	87.363.830
- Vũ Văn Minh	Phó Giám đốc	126.100.000
- Tạ Hoàng Giang	Phó Giám đốc điều hành	207.459.109
- Nguyễn Vĩnh Bảo	Kế Toán trưởng	158.965.699
Cộng		1.339.638.623

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH DÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

- Thù lao hội đồng quản trị trong năm

Họ và tên	Chức vụ	Số tiền
- Nguyễn Thanh Tâm	Chủ tịch	12.527.463
- Nguyễn Ngọc Chương	Ủy viên	9.395.597
- Trần Thị Thanh Hoa	Phó Chủ tịch	11.483.508
- Nguyễn Văn Phẩm	Ủy viên	9.395.597
- Trần Tam Phúc	Ủy viên	9.395.597
Cộng		52.197.762

Thành Phố Đà Lạt, ngày 15 tháng 11 năm 2011



TẠ HOANG GIANG
Phó Giám đốc điều hành

NGUYỄN VINH BẢO
Kế toán trưởng